

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2025
*“V/v Tranh chấp Hôn nhân gia
đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Bá Bảy
- + *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Thêm
2. Ông Nguyễn Văn Giang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã K, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ tạm trú: Lô D, đường D, tổ A, khu phố B, thị trấn L, tỉnh Bình Dương (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/4/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, bà H và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó

cho đến nay; nguyên nhân thường xuyên cãi nhau, trong cuộc sống không hòa hợp. Nhận thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông T có hai con chung là Nguyễn Văn T1 (sinh ngày 27/3/2007) và Nguyễn Thị Khánh L (sinh ngày 03/3/2011). Sau khi ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H đồng ý giao cháu T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T từ chối nhận văn bản tố tụng và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa hôm nay bị đơn cũng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông T đã được Tòa án thông báo họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T; sau ly hôn, giao cháu Nguyễn Thị Khánh L (sinh ngày 03/3/2011) cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn T1 (sinh ngày 27/3/2007) cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành; bà H và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và

gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H kết hôn với ông Nguyễn Văn T vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà H và ông T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, dẫn đến việc hai người sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày tình cảm vợ chồng giữa bà H với ông T đã mâu thuẫn đến mức không thể chung sống với nhau được; nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T. Đối với ông T quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H với ông T đã thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T.

3.2 Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T sinh được hai con chung: Nguyễn Văn T1 (sinh ngày 27/3/2007) và Nguyễn Thị Khánh L (sinh ngày 03/3/2011). Sau ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L và đồng ý giao cháu T1 cho ông T nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi bà H và ông T sống ly thân cho đến nay thì cháu L ở với bà H và cháu T1 ở với ông T. Qua lấy ý kiến của các cháu thì cháu L có nguyện vọng ở với bà H và cháu T1 có nguyện vọng ở với ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Khánh L cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn T1 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành.

3.3 Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ông Nguyễn Văn T không có ý kiến gì về việc yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4 Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L (sinh ngày 03/3/2011) cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Văn T1 (sinh ngày 27/3/2007) cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0008796 ngày 09 tháng 10 năm 2024.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- UBND xã Krông Á, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Bá Bẩy